ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CẨM GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:1361/QĐ-UBND	*Cẩm Giang, ngày 05 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
V/v công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN, ngày 10/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN, ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ, về việc công bố Mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Công văn số 187/CCTĐC-QLTCCL ngày 13/8/2025 của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng về việc xây dựng, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các Sở, ban ngành thành phố, Uỷ ban nhân dân các phường, xã, đặc khu của thành phố Hải Phòng

Căn cứ Bản xác nhận số 01/BXN-UBND ngày 05/11/2025 của Chủ tịch UBND xã Cẩm Giang về việc Hệ thống quản lý chất lượng có hiệu lực;

Theo đề nghị của Ban chỉ đạo ISO xã Cẩm Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại UBND xã Cẩm Giang phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Trưởng Ban chỉ đạo ISO và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT: ĐU; HĐND (để b/c);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Vương Đức Dũng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CẨM GIANG

Công bố Hệ thống quản lý chất lượng
tại UBND xã Cẩm Giang phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia
TCVN ISO 9001:2015 đối với hoạt động quản lý nhà nước

(Theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1361/QĐ-UBND

Ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND xã Cẩm Giang)

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Cẩm Giang, ngày 05 tháng 11 năm 2025

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ CẨM GIANG T.P HẢI PHÒNG

Vương Đức Dũng

Phụ lục

CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA UBND XÃ CẨM GIANG
ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1361/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND xã Cẩm Giang)

1. Lĩnh vực Đường bộ;
2. Lĩnh vực Hàng hải và Đường thủy nội địa;
3. Lĩnh vực Xây dựng;
4. Lĩnh vực Nhà ở và Công sở;
5. Lĩnh vực Quy hoạch đô thị và nông thôn kiến trúc;
6. Lĩnh vực Bảo hiểm;
7. Lĩnh vực Quản thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước;
8. Lĩnh vực Quản lý công sản;
9. Lĩnh vực Tài chính đất đai;
10. Lĩnh vực Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư, quản lý;
11. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác;
12. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động doanh nghiệp;
13. Lĩnh vực Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;
14. Lĩnh vực Công nghiệp địa phương;
15. Lĩnh vực Kinh doanh khí;
16. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước
17. Lĩnh vực Chăn nuôi
18. Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn
19. Lĩnh vực Biển và Hải đảo;
20. Lĩnh vực Kiểm lâm;
21. Lĩnh vực Đất đai; địa chất và khoáng sản;
22. Lĩnh vực Quản lý đê điều và phòng chống thiên tai; sự cố tràn dầu; thú y; an toàn; đập và hồ chứa;
23. Lĩnh vực Môi trường bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;
24. Lĩnh vực tài nguyên nước;
25. Lĩnh vực Lâm nghiệp;

26. Lĩnh vực Nông nghiệp;

27. Lĩnh vực Trồng trọt;

28. Lĩnh vực Thủy lợi;

29. Lĩnh vực Thủy sản;

30. Lĩnh vực Giảm nghèo;

31. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội;

32. Lĩnh vực Dân số, Bà mẹ-Trẻ em;

33. Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội;

34. Lĩnh vực Thi đua khen thưởng;

35. Lĩnh vực Trẻ em;

36. Lĩnh vực Gia đình;

37. Lĩnh vực Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử;

38. Lĩnh vực Thể dục thể thao, văn hóa; Di sản văn hóa;

39. Lĩnh vực Người có công;

40. Lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước;

41. Lĩnh vực hội quỹ;

42. Lĩnh vực Việc làm;

43. Lĩnh vực Tín ngưỡng Tôn giáo;

44. Lĩnh vực Các dân tộc;

45. Lĩnh vực Các cơ sở giáo dục khác;

46. Lĩnh vực Giáo dục mầm non;

47. Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp;

48. Lĩnh vực Giáo dục thường xuyên;

49. Lĩnh vực Giáo dục tiểu học;

50. Lĩnh vực Giáo dục Trung học;

51. Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống Giáo dục quốc dân; Kiểm định chất lượng;

52. Lĩnh vực Văn bằng chứng chỉ;

53. Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật; hòa giải cơ sở;

54. Lĩnh vực Bồi thường nhà nước;

55. Lĩnh vực Chứng thực;

56. Lĩnh vực Hộ tịch;

57. Lĩnh vực Nuôi con nuôi;

58. Lĩnh vực Giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, xử lý đơn thư; thanh tra;

59. Các hoạt động chuyên môn khác.